TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2025.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hường, bà Ngô Thị Thu Hoà.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đinh Thị Hà Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2025/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn C, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị T, anh C (cùng có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Ngô Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định, nay là Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Ninh Bình vào ngày 01/4/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn P, xã Y, vợ chồng hoà thuận đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều lần anh C xúc phạm chị. Anh C có tính ham chơi, đi làm nhưng không có tiền lo cho gia đình, để chị một mình lo liệu kinh tế gia đình, mỗi lần chị khuyên bảo thì vợ chồng lại cãi nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn C. Về con chung, anh chị có có 02 con chung là Ngô Thị

H, sinh ngày 27/01/2008 và Ngô Văn V, sinh ngày 26/10/2011. Sau khi ly hôn, chị nhất trí để anh C nuôi dưỡng cả hai con chung, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh C mỗi con 2.000.000 đồng một tháng, hai con là 4.000.000 đồng; Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Toà án bị đơn anh Ngô Văn C trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của chị T. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tự tìm hiểu nhau và không bị ai ép buộc. vợ chồng chung sống hoà thuận đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, chị T có thái độ không tôn trọng anh, nhiều lần đòi ly hôn với anh. Anh không muốn ly hôn vì không muốn con cái sau này mang tiếng có bố mà không có mẹ nên anh đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng anh chị. Nếu chị T không nghĩ cho bố con anh mà vẫn quyết tâm ly hôn thì tuỳ chị T quyết định. Anh và chị T có 02 con chung là cháu Ngô Thị H, sinh ngày 27/01/2008 và Ngô Văn V, sinh ngày 26/10/2011, nếu hai con muốn ở với anh thì anh nhất trí nuôi cả hai con, chị T muốn cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng mỗi cháu thì anh cũng đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương cho biết: chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn với anh Ngô Văn C vào ngày 01/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh C, chị Tươi S cùng nhau ở thôn P. Mâu thuẫn cụ thể giữa chị T và anh C như thế nào địa phương không nắm được. Hiện anh C, chị T đang sinh sống tại thôn P, xã Y. Về con chung: chị T và anh C có 02 con chung là Ngô Thị H, sinh ngày 27/01/2008 và Ngô Văn V, sinh ngày 26/10/2011. Về tài sản chung, công nợ giữa anh C và chị T, địa phương không nắm rõ. Anh C và chị T đều có nghề tự do, điều kiện nuôi con của anh chị là như nhau. Việc giải quyết ly hôn giữa anh Ngô Văn C và chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị T, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa công bố đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị T, anh C. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước khi thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Văn C. Về con chung: Giao cháu cháu Ngô Thị H, sinh ngày 27/01/2008 và Ngô Văn V, sinh ngày 26/10/2011 cho anh Ngô Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh C mỗi cháu 2.000.000 đồng mỗi tháng. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác anh C chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn C nên xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là "Ly hôn". Anh C cư trú tại xã Y, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình là phù hợp với quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn, chị T và anh C đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt do vậy không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã Y, tỉnh Ninh Bình vào ngày 01/4/2010, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù có 02 con chung với nhau nhưng hạnh phúc không duy trì được. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, quá trình giải quyết vụ án chị T giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho chị được ly hôn với anh C vì tình cảm với anh C không còn. Anh C xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, chị T không tôn trọng anh, chị T ly hôn anh không còn biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh không muốn ly hôn vì muốn con cái có đầy đủ bố mẹ. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng đương sự đều vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị T, anh C có 02 con chung là cháu Ngô Thị H, sinh ngày 27/01/2008 và Ngô Văn V, sinh ngày 26/10/2011. Chị T tự nguyện để anh C trực tiếp nuôi cả hai con chung, chị cấp dưỡng nuôi con cùng anh C mỗi cháu 2.000.000đồng mỗi tháng. Anh C nhất trí trực tiếp nuôi cả hai con chung, nhất trí việc chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị T và anh C về con chung phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu V xin được ở với bố và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con cũng như quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con chung, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị T và anh C, giao cháu H và cháu V cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh C mỗi cháu 2.000.000 đồng mỗi tháng (02 con là 4.000.000 đồng/tháng), là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh C và chị T có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan trong hôn nhân: Chị T, anh C không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Văn C.

2. Về con chung: Giao anh Ngô Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thị H, sinh ngày 27/01/2008 và Ngô Văn V, sinh ngày 26/10/2011. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu V cùng anh Ngô Văn C mỗi cháu 2.000.000 đồng mỗi tháng, kể từ sau khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T, anh C không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị T phải nộp là 300.000đ, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0002443, ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm; Án phí cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Văn C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 8;
- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Cường;
- Lưu: HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**